

Bản án số: 02/2020/LĐ-ST

Ngày: 12-8-2020

V/v: Tranh chấp lao động về  
quyền, lợi ích liên quan đến  
việc làm, tiền lương.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thực.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Thế Hùng
2. Ông Nguyễn Cửu Long

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 12 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 60/2019/TLST-LĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, về việc “Tranh chấp về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2020/QĐXXST-LĐ ngày 14/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2020/QĐST-LĐ ngày 28/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Ngô Quang T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Dương Ngọc T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số công chứng 005446, Quyền số 03,TP/CC-SCC;HĐGD ngày 11/3/2020).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn V

Địa chỉ: Đường A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Phạm Ngô Hoàng D, sinh năm 1989; địa chỉ liên hệ: Đường A1, Phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 01/2020/UQ ngày 30/6/2020).

Nguyên đơn ông Ngô Quang T vắng mặt tại phiên tòa, có ủy quyền cho ông Dương Ngọc T tham gia tố tụng (có mặt tại phiên tòa).

Ông Phạm Ngô Hoàng Duy là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Quang T có ông Dương Ngọc T là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 01/6/2019, ông Ngô Quang T bắt đầu làm việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn V (đây gọi là Công ty V), vị trí: Trưởng phòng kinh doanh, mức lương Net là: 30.000.000 đồng, thời gian thử việc 02 tháng, lương và thu nhập được trả vào tài khoản ông Ngô Quang T, số 31310000662xxx tại Ngân hàng B. Ngày 01/8/2019, sau khi hoàn tất thời gian thử việc 02 tháng, ông T được nhận làm nhân viên chính thức của Công ty V và được phòng nhân sự gửi hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng, trong Hợp đồng có thỏa thuận về tiền lương, thời gian làm việc, phụ cấp, hoa hồng và một số nội dung khác. Ông T đã ký hợp đồng lao động và gửi lại Công ty V nhưng phía Công ty V lấy lý do Tổng giám đốc đang ở nước ngoài nên chưa ký và đưa lại cho ông T.

Ngày 03/10/2019, ông T và Công ty V có ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với nội dung ông T được hưởng đủ lương, hoa hồng và trợ cấp là 01 (một) tháng lương, toàn bộ số tiền sẽ được nhận vào kỳ lương tháng 09/2019 là ngày 05/10/2019. Thỏa thuận trên được lập thành văn bản và Công ty V giữ văn bản này. Ngày 04/10/2019, ông T đã bàn giao đầy đủ công việc, trang thiết bị của mình cho người phụ trách. Tuy nhiên, đến ngày 05/10/2019, Công ty V đã không thực hiện đúng thỏa thuận nêu trên.

Ngày 10/10/2019, ông T tham gia cuộc họp cùng ông Nguyễn Văn M là giám đốc đầu tư và ông Phạm Ngô Hoàng D là nhân viên hành chính nhân sự của công ty với nội dung ông T đã hoàn thành biên bản bàn giao, bàn giao Laptop, biên bản thanh lý hợp đồng, Data khách hàng. Ông T yêu cầu Công ty V trả đủ lương và trả lại 01 (một) bản hợp đồng lao động mà ông T đã ký và gửi cho Công ty trước đó. Tuy nhiên, tại cuộc họp Công ty V cần thời gian xác thực thông tin nên hẹn trả lời ông T vào cuộc họp lúc 14h00' ngày 14/10/2019.

Vào lúc 14h00' ngày 14/10/2019, ông T và ông Nguyễn Vũ K đến Công ty V để tham gia cuộc họp nhưng phía công ty không có người đại diện hợp pháp để làm việc với ông T. Ông T đã nộp đơn ra yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động và ngày 31/10/2019, vụ việc được hòa giải tại Phòng lao động – Thương binh và xã hội Quận 2 nhưng không thành.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty V có nghĩa vụ, chi trả tiền lương, hoa hồng và tiền trợ cấp như sau:

- Tiền lương tháng 09/2019: 30.000.000 đồng.
- Bồi thường 01 tháng lương nghỉ việc: 30.000.000 đồng.
- Trả tiền 04 ngày phép năm chưa sử dụng: 5.000.000 đồng.

- Tiền hoa hồng bán hàng: 9.900.000 đồng.

Tổng số tiền ông T yêu cầu Công ty V phải trả là 74.900.000 đồng, trả ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*Tại văn bản số 11/2020/CV ngày 01/7/2020, phía bị đơn Công ty V trình bày:*

Công ty V thừa nhận giữa ông Ngô Quang T và Công ty có Hợp đồng lao động với thời hạn 12 tháng và các nội dung thỏa thuận khác như phía nguyên đơn trình bày, ông Ngô Quang T làm việc ở vị trí Trưởng phòng kinh doanh, mức lương là: 34.300.000 đồng/tháng. Ngày 03/10/2019, Công ty V và ông T có ký thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động số 003/2019/TT-HDLLD. Công ty V giải quyết số tiền lương và trợ cấp thôi việc như sau:

- Tiền lương tháng 09/2019 (từ ngày 01/9/2019 đến ngày 30/9/2019) với số ngày thực tế làm việc là 19/23.5 ngày: 27.731.915 đồng.

- Tiền trợ cấp nghỉ việc tương đương số tiền lương từ 01/10/2019 đến 31/10/2019 là: 34.300.000 đồng.

- Tiền ngày phép năm chưa sử dụng 04 ngày là: 5.838.298 đồng.

- Tiền hoa hồng dự án là: 9.900.000 đồng.

Tuy nhiên, phía Công ty V đã trích và đóng bảo hiểm xã hội đến tháng 09/2019 cho ông T với số tiền là: 840.000 đồng, đóng thuế thu nhập cá nhân cho ông T với tổng số tiền là: 14.529.064 đồng, số tiền còn lại là: 62.401.149 đồng. Công ty V xác nhận đang nợ ông T số tiền 62.401.149 đồng nêu trên. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch bệnh, tình hình kinh doanh đang gặp khó khăn nên Công ty V yêu cầu được trả số tiền nêu trên theo phương thức như sau:

- Ngày 31/07/2020: Trả 18.000.000 đồng.

- Ngày 31/08/2020: Trả 18.000.000 đồng.

- Ngày 30/09/2020: Trả 26.401.149 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự trình bày và thống nhất như sau: Giữa ông T và Công ty V có ký Hợp đồng lao động với thời hạn 12 tháng, vị trí làm việc là Trưởng phòng Kinh doanh với mức lương là 34.300.000 đồng, mức lương 30.000.000 đồng ông T đưa ra là mức lương sau khi đã trừ thuế, ngoài ra các bên còn thỏa thuận một số nội dung khác trong Hợp đồng lao động. Ngày 03/10/2019, Công ty V và ông T có ký thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động số 003/2019/TT-HDLLD với nội dung các bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng lao động đã ký và ông T được hưởng những khoản tiền sau: Tiền lương tháng 09/2019 chưa thanh toán, trợ cấp 01 tháng lương nghỉ việc tương đương với lương tháng 10/2019, tiền ngày phép năm chưa sử dụng, tiền hoa hồng và các khoản tiền này sẽ được thanh toán vào kỳ phát lương của tháng 09/2019. Ngày 04/10/2019, phía ông T đã hoàn tất các thủ tục bàn giao lại trang thiết bị, công

việc cho phía Công ty V nhưng sau đó phía Công ty V không thực hiện việc trả các khoản tiền cho ông T theo thỏa thuận nêu trên.

Các bên đều thống nhất về khoản tiền mà phía Công ty V phải trả cho ông Ngô Quang T sau khi trừ đi tiền trích nộp bảo hiểm xã hội tháng 09/2019 cho ông T là 840.000 đồng và tiền thuế thu nhập cá nhân như sau:

- Tiền lương tháng 09/2019 (từ ngày 01/9/2019 đến ngày 30/9/2019) với số ngày thực tế làm việc là 19/23.5 ngày là: 27.731.915 đồng và tiền trợ cấp thôi việc tương đương số tiền lương từ 01/10/2019 đến 31/10/2019 là: 34.300.000 đồng. Sau khi trừ đi khoản thuế thu nhập cá nhân mà phía Công ty V đã đóng cho ông T thì hai khoản tiền này còn lại là: 50.000.000 đồng.

- Tiền ngày phép năm chưa sử dụng 04 ngày là: 5.838.298 đồng. Tiền hoa hồng của các dự án là: 9.900.000 đồng. Sau khi trừ đi khoản thuế thu nhập cá nhân mà phía Công ty V đã đóng cho ông T thì hai khoản tiền này còn lại là: 12.401.149 đồng.

Tổng cộng, phía bị đơn Công ty V phải trả cho ông T là: 62.401.149 đồng.

Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay khoản tiền trên ngay sau khi Tòa tuyên án, tuy nhiên phía bị đơn chỉ đồng ý trả trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật vì do ảnh hưởng của dịch bệnh nên tình hình tài chính của Công ty V gặp rất nhiều khó khăn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Các bên đều xác nhận giữa ông Ngô Quang T và Công ty V có ký hợp đồng lao động thời hạn là 12 tháng, các bên cũng thỏa thuận về mức lương, vị trí làm việc và một số nội dung khác. Căn cứ vào Phiếu lương 9/2019 đã được các bên xác nhận thể hiện thông tin ông Ngô Quang T, vị trí trưởng phòng kinh doanh, mức lương gộp là: 34.300.000 đồng. Căn cứ vào bảng sao kê ngân hàng thể hiện việc Công ty V trả lương cho ông T bằng hình thức chuyển khoản đến tài khoản của ông T là số 31310000662xxx tại Ngân hàng B. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định giữa Công ty V và ông Ngô Quang T có quan hệ lao động.

Ngày 06/11/2019, ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 2 yêu cầu Công ty V phải trả tiền lương, tiền bồi thường và các khoản tiền khác với lý do cho rằng Công ty V đã không thực hiện đúng thỏa thuận giữa hai bên khi thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên trong vụ án này là tranh chấp lao động về quyền, lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trước khi khởi kiện, ông T cũng đã thực hiện việc yêu cầu hòa giải tranh chấp lao động cá nhân theo quy định tại Điều 200, 201 Bộ luật Lao động năm 2012 nhưng hòa giải không thành. Bị đơn Công ty V là pháp nhân, có trụ sở tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ khoản 2 Điều 200, Điều 201 Bộ luật Lao động năm 2012, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2] Về tố tụng:*

*- Về thời hiệu khởi kiện và điều kiện khởi kiện:*

Về điều kiện khởi kiện: Ngày 31/10/2019, ông T và Công ty V đã thực hiện thủ tục hòa giải cơ sở của hòa giải viên lao động nhưng hòa giải không thành, do đó vụ án đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 200, 201 Bộ luật Lao động năm 2012.

Về thời hiệu khởi kiện: Ông T yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, thời hiệu khởi kiện là 01 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động năm 2012. Ngày 06/11/2019, ông T nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 2 là còn trong thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, các đương sự trong vụ án không yêu cầu tính thời hiệu khởi kiện nên căn cứ khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét.

*- Về việc tham gia phiên tòa sơ thẩm của Viện kiểm sát:*

Vụ án không thuộc các trường hợp quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 không tham gia phiên tòa.

*[3] Về nội dung yêu cầu của các đương sự:*

3.1. Về quan hệ lao động:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ và sự trình bày, xác nhận của các đương sự tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định giữa ông T và Công ty V đã xác lập quan hệ lao động: Ông Ngô Quang T làm việc tại Công ty V theo Hợp đồng lao động có thời hạn là 12 tháng, vị trí là: Trưởng phòng kinh doanh, mức lương gộp thỏa thuận là: 34.300.000 đồng/tháng. Căn cứ Điều 15, Điều 22, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012 thì hợp đồng lao động giữa các bên không bị vô hiệu và có hiệu lực kể từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng.

3.2. Về yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Quang T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bên đều xác nhận giữa ông T và Công ty V đã thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng lao động đã ký và ngày 03/10/2019, ông T và Công ty V đã ký thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động với nội dung chấm dứt Hợp đồng lao động giữa ông T và Công ty V, ông T được hưởng đủ lương, tiền hoa hồng, tiền phép năm và trợ cấp là 01 (một) tháng lương. Xét thỏa thuận nêu trên của các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2012 nên có giá trị ràng buộc giữa các bên.

Tại phiên tòa, các bên đều thống nhất về khoản tiền mà phía Công ty V phải trả cho ông Ngô Quang T sau khi trừ đi tiền trích nộp bảo hiểm xã hội tháng 09/2019 cho ông T là 840.000 đồng và tiền thuế thu nhập cá nhân như sau:

- Tiền lương tháng 09/2019 (từ ngày 01/9/2019 đến ngày 30/9/2019) với số ngày thực tế làm việc là 19/23.5 ngày là: 27.731.915 đồng và tiền trợ cấp thôi việc tương đương số tiền lương từ 01/10/2019 đến 31/10/2019 là: 34.300.000 đồng. Sau khi trừ đi khoản thuế thu nhập cá nhân mà phía Công ty V đã đóng cho ông T thì hai khoản tiền này còn lại là: 50.000.000 đồng.

- Tiền ngày phép năm chưa sử dụng 04 ngày là: 5.838.298 đồng. Tiền hoa hồng của các dự án là: 9.900.000 đồng. Sau khi trừ đi khoản thuế thu nhập cá nhân mà phía Công ty V đã đóng cho ông T thì hai khoản tiền này còn lại là: 12.401.149 đồng.

Tổng cộng, phía bị đơn Công ty V phải trả cho ông T số tiền là: 62.401.149 đồng.

Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Mặt khác, đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Quang T, buộc bị đơn Công ty V phải trả cho ông T số tiền: 62.401.149 đồng là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay khoản tiền trên ngay sau khi Tòa tuyên án, tuy nhiên phía bị đơn chỉ đồng ý trả trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật vì do ảnh hưởng của dịch bệnh nên tình hình tài chính của Công ty V gặp rất nhiều khó khăn.

Xét các bên đã thỏa thuận phía Công ty V phải trả các khoản tiền trên cho ông T vào kỳ lương tháng 09/2019 và theo quy định tại Điều 96 của Bộ luật Lao động năm 2012 thì người lao động được trả lương trực tiếp, đầy đủ và đúng hạn. Mặt khác, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 482 thì phần bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về trả lương, trợ cấp thôi việc được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Do đó, phía bị đơn yêu cầu được trả trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Quang T, buộc Công ty V phải trả cho ông Ngô Quang T tiền lương tháng 09/2019 và tiền trợ cấp thôi việc (tương đương tiền lương tháng 10/2019), tiền hoa hồng, tiền phép năm với tổng số tiền là: 62.401.149 đồng ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, riêng đối với số tiền 50.000.000 đồng là tiền lương tháng 09/2019 và tiền trợ cấp thôi việc (tương đương tiền lương tháng 10/2019) sau khi trừ thuế thu nhập cá nhân thì ông T có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi Tòa tuyên án. Số tiền còn lại là:

12.401.149 đồng Công ty V phải trả cho ông Ngô Quang T ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

*[4] Về án phí lao động sơ thẩm và quyền kháng cáo:*

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án thì ông Ngô Quang T được miễn án phí, bị đơn Công ty V phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm đối với phần yêu cầu của ông T được Tòa án chấp nhận.

Về quyền kháng cáo: Ông T, Công ty V được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 482, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 15, Điều 22, Điều 36, Điều 50, Điều 96, khoản 2 Điều 200, Điều 201 và Điều 202 Bộ Luật lao động năm 2012;

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

#### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Quang T:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn V phải trả cho ông Ngô Quang T tiền lương tháng 09/2019 và tiền trợ cấp thôi việc (tương đương tiền lương tháng 10/2019) là: 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), trả tiền hoa hồng dự án và tiền phép năm chưa sử dụng là: 12.401.149 đồng (*Mười hai triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, một trăm bốn mươi chín đồng*), tổng cộng số tiền phải trả là: 62.401.149 đồng (*Sáu mươi hai triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, một trăm bốn mươi chín đồng*) ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) là tiền lương tháng 09/2019 và tiền trợ cấp thôi việc (tương đương tiền lương tháng 10/2019), ông Ngô Quang T có quyền yêu cầu thi hành án ngay sau khi Tòa tuyên án. Số tiền còn lại là: 12.401.149 đồng (*Mười hai triệu, bốn trăm lẻ một nghìn, một trăm bốn mươi chín đồng*), Công ty Trách nhiệm hữu hạn V phải trả cho ông Ngô Quang T ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Ông Ngô Quang T không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn V phải chịu án phí lao động sơ thẩm là: 1.872.034 đồng (*Một triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn, không trăm ba mươi bốn đồng*). Công ty Trách nhiệm hữu hạn V chưa nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## 3. Về quyền kháng cáo:

Ông Ngô Quang T, Công ty trách nhiệm hữu hạn V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Trung Thực**